

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

/ANNUAL REPORT

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX
Năm /Year: 2016

I. Thông tin chung/ General information

1. Thông tin khái quát/ General information

- Tên giao dịch tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX**
- Tên giao dịch đối ngoại: **PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY**
- Tên viết tắt: **PJTACO**
- Trụ sở chính: Tầng 7, tòa nhà số 322 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84.8) 3 899 1101 Fax: (84.8) 3 512 1775
- Email : pjtaco@pjtaco.com.vn
- Website : <http://www.pjtaco.petrolimex.com.vn>
- Mã cổ phiếu : **PJT**
- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX**

Trading name: **PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/*Certificate of business registration No:* 0301825283, cấp lần đầu ngày 30/9/1999, thay đổi lần thứ 18 ngày 07/7/2016.
- Vốn điều lệ/ *Charter capital:* 108.172.380.000.000 đồng (Một trăm lẻ tám tỷ, một trăm bảy mươi hai triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng)
- Vốn chủ sở hữu/ *Owner's capital:* 147.637.947.705 đồng
- Địa chỉ/*Address:* : 08.8991101 ; *Fax:* 08.35121775, *Website:* pjtaco.petrolimex.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có)/*Securities code* : **PJT**
- Quá trình hình thành và phát triển/ *Foundation and development process:*
 - + Công ty được thành lập theo Quyết định số: 151/1999/QĐ-TTg ngày 09/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Xí nghiệp Sửa chữa và vận tải xăng dầu đường sông thành Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex với vốn điều lệ là 13,5 tỷ đồng.
 - + Năm 2003, công ty đã tăng vốn điều lệ lên 14,596 tỷ đồng, Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam chiếm 35% vốn điều lệ.
 - + Năm 2004, vốn điều lệ của công ty là 19,370 tỷ đồng, Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam chiếm 51,21% vốn điều lệ.
 - + Năm 2006, vốn điều lệ của Công ty tăng lên 35 tỷ đồng, Tổng Công ty xăng dầu Việt

Nam chiếm 51,21% vốn điều lệ.

+ Ngày 28/12/2006, 35 triệu cổ phiếu của Công ty (PJT) được niêm yết tại Trung tâm giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

+ Năm 2008, vốn điều lệ của Công ty tăng lên 70 tỷ đồng, Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam chiếm 51,21 % vốn điều lệ.

+ Năm 2009, vốn điều lệ của Công ty tăng lên 84 tỷ đồng, Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam (Năm 2012 là Tập đoàn xăng dầu Việt Nam) chiếm 51,21 % vốn điều lệ.

+ Năm 2013, vốn điều lệ Công ty là 96.599.020.000 đồng, trong đó Tập đoàn xăng dầu Việt Nam chuyển giao quyền quản lý vốn Nhà nước cho Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex (Tập đoàn XD Việt Nam), Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex trở thành cổ đông chi phối với tỷ lệ sở hữu cổ phần là 51,21 % vốn điều lệ.

+ Năm 2014, vốn điều lệ Công ty tăng lên 108.172.380.000 đồng, trong đó Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex sở hữu tỷ lệ cổ phần là 51,22 % vốn điều lệ.

- Các sự kiện khác/*Other events*:

Bên cạnh việc duy trì các hoạt động kinh doanh truyền thống như sửa chữa tàu, đóng tàu và vận tải xăng dầu đường sông nội địa và quốc tế (Campuchia). Năm 2000, Công ty tiến bước vào thị trường vận tải xăng dầu ven biển. Đây là một quyết định mang ý nghĩa đột phá, nhờ đó Công ty đã có những bước phát triển mạnh cả về lượng và về chất. Năm 2013, Công ty lần đầu tiên sở hữu, quản lý khai thác một tàu biển chở dầu trọng tải 7.725 DWT đạt tiêu chuẩn quy phạm kỹ thuật của cảng dầu quốc tế.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ *Lines and locations of the business*:

- Ngành nghề kinh doanh/*Lines of the business*:

+ Vận tải xăng dầu đường biển;

+ Vận tải xăng dầu đường thủy nội địa và Campuchia;

+ Ngành kinh doanh dịch vụ cơ khí và xử lý chất thải nhiễm dầu;

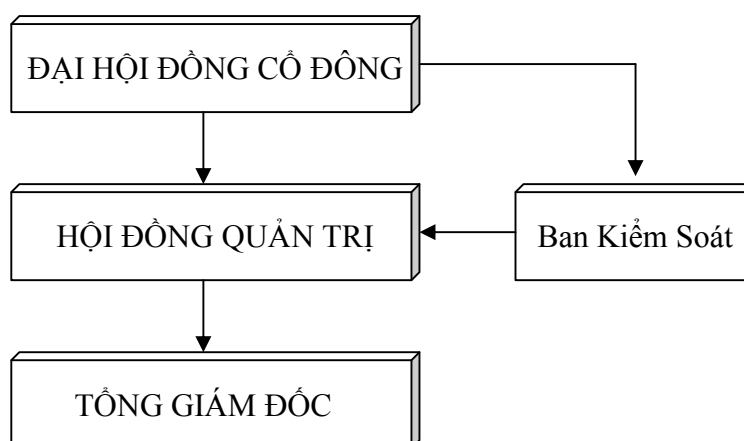
+ Ngành dịch vụ thương mại: cung ứng nhiên liệu, bunker tàu Việt Nam và Quốc tế.

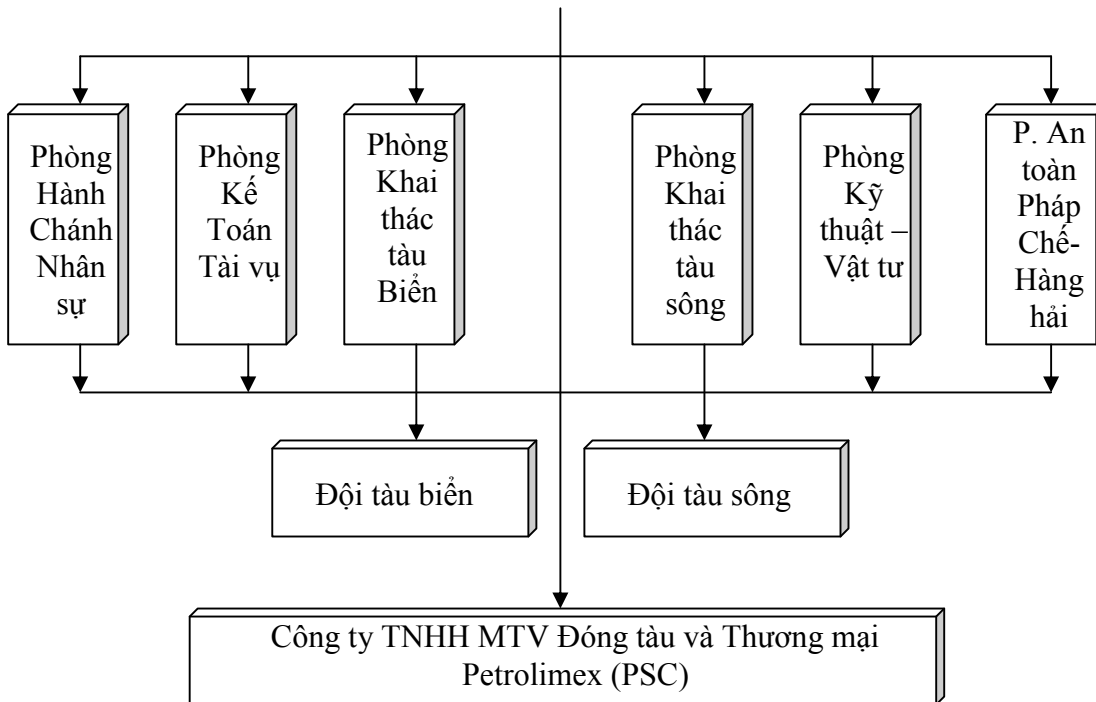
- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: Đường thủy nội địa, đường thủy quốc tế (Campuchia), vùng ven biển Việt Nam.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ *Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- Mô hình quản trị/ *Governance mode*

- Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Management structure*.





- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*:
- + Tổng công ty Vận tải thủy Petrolimex (thuộc Tập đoàn xăng dầu Việt Nam) là cổ đông chi phối sở hữu 51,22 % Vốn điều lệ của Công ty.
- + Công ty con: Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu và Thương mại Petrolimex
- Địa chỉ: 70 Đường 20, Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, TP.HCM
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: sửa chữa, đóng mới các phương tiện thủy.
- Vốn đầu tư chủ sở hữu: 10.000.000.000 đồng

4. Định hướng phát triển/ *Development orientations*

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của công ty/ *Main objectives of the Company*.

- Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tối đa hóa lợi ích cho cổ đông, doanh nghiệp và người lao động.
- Duy trì, phát triển uy tín, hình ảnh, thương hiệu PJTACO trên thương trường.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term*.

a) *Chiến lược phát triển công ty mẹ:*

- Xây dựng và phát triển Công ty thành một doanh nghiệp có đội tàu sông biển hiện đại, mang tính chuyên nghiệp cao, đáp ứng nhu cầu của khách hàng và trở thành doanh nghiệp đứng đầu về vận tải nội địa và Campuchia, từng bước phát triển thị trường trong khu vực.
- củng cố, mở rộng quan hệ với các tổ chức, cá nhân là đối tác chiến lược về thị trường hàng hóa nội địa và quốc tế, tăng cường liên kết, mời gọi đầu tư. Để đáp ứng các yêu cầu về chiến lược phát triển, công ty phải xây dựng chính sách thu hút mời gọi các cổ đông chiến lược về thị trường, quản lý, nhân sự, thương hiệu, tham gia góp vốn/ liên doanh liên kết để nâng qui mô của công ty lớn hơn hiện nay. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực, trình độ và công nhân có tay nghề cao.

- Công ty đã và đang triển khai thực hiện Hệ thống quản lý an toàn theo tiêu chuẩn Bộ luật ISM Code của tổ chức hàng hải quốc tế cho đội tàu của Công ty, Công ước lao động hàng hải quốc tế MLC2006 để đáp ứng các yêu cầu quản lý của Nhà nước và của các cảng dầu quốc tế.

b) Chiến lược phát triển công ty con:

Ngành kinh doanh chính là đóng mới phương tiện thủy, cơ khí sửa chữa và các ngành nghề khác: xử lý chất thải nhiễm dầu, các dịch vụ liên quan đến ngành vận tải xăng dầu.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.

Là một công ty cổ phần hoạt động theo luật doanh nghiệp, Công ty luôn chú trọng đến nhân tố con người, xác định đây là yếu tố quan trọng giúp cho công ty phát triển, tuyển chọn những người có năng lực, trình độ và có tâm huyết với công ty. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty đặc biệt quan tâm đến công tác đào tạo, tuyển chọn người có năng lực trình độ, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cán bộ và lao động của công ty; chăm lo đời sống, điều kiện làm việc, thực hiện chế độ chính sách cho người lao động. Đồng thời Công ty tích cực tham gia các công tác xã hội, vì cộng đồng, xã hội.

5. Các rủi ro/ Risks:

- Vận tải đường thủy chịu tác động của điều kiện thiên nhiên như: mưa, bão, lũ lụt. Các yếu tố thiên nhiên diễn ra không tuân theo một quy luật nhất định nào. Đặc biệt trong điều kiện thời tiết khí hậu hiện nay có nhiều biến đổi bất thường. Trong quá trình vận chuyển đôi khi rủi ro đâm ra và trục trặc kỹ thuật vẫn có khả năng xảy ra. Các tàu biển hoạt động tương đối độc lập giữa vùng không gian rộng lớn, nếu xảy ra sự cố thì có thể việc cứu hộ, cứu nạn rất khó khăn. Đối tượng hàng hóa vận chuyển của Công ty là xăng dầu nên trị giá chuyên dụng và giá trị hàng hóa mà nó vận chuyển là rất lớn, các nguy cơ như cháy nổ, ô nhiễm môi trường nên nếu rủi ro xảy ra tổn thất là khôn lường.

- Để giảm thiểu nguy cơ hàng hải đồng thời kịp thời khắc phục kịp thời những rủi ro, tổn thất nếu xảy ra, Công ty thực hiện hiện đại hoá, nâng cao chất lượng các đội tàu, thực hiện chính sách quản lý an toàn theo Bộ luật ISM Code và thực hiện mua bảo hiểm cho con người, đội tàu, hàng hóa và môi trường.

II. Tình hình hoạt động trong năm/ Yearly Operations

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations

- Vượt qua những khó khăn của tình hình kinh tế trong và ngoài nước cũng như trong nội tại của doanh nghiệp, tận dụng tốt các cơ hội kinh doanh, phát huy được sức mạnh nội lực cùng với các giải pháp kinh doanh phù hợp; Kết quả: toàn Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông và HĐQT giao phó. Đây là kết quả của cả quá trình chỉ đạo, lãnh đạo và phản ánh đúng năng lực tổ chức quản lý điều hành của Công ty.

- Nguyên nhân thành công là do:

+ Xây dựng phương án khai thác đội tàu hợp lý, kết hợp được 1 số chuyến khai thác hàng 2 chiều ở một số tuyến đường biển; Gia tăng khai thác thị trường ngoài Petrolimex; Sản lượng vận chuyển các tuyến ngắn giảm, tăng sản lượng vận chuyển các tuyến dài.

+ Các dự án đầu tư tàu Long Phú 10, Long Phú 18 đi vào khai thác đã đem lại hiệu quả góp phần không nhỏ vào lợi nhuận chung, nợ gốc và lãi vay ngân hàng của các dự án được trả đủ và đúng theo tiến độ hợp đồng tín dụng.

+ Thị trường cơ khí đóng mới khởi sắc, thị trường vệ sinh súc rửa tàu dầu, xử lý chất thải lỏng và rắn nhiễm dầu được mở rộng.

+ Công ty đã chi tạm ứng cổ tức năm 2016 bằng tiền, tỷ lệ 10%/Vốn điều lệ, tổng số tiền chi trả 10,81 tỷ đồng, thanh toán vào ngày 30/12/2016.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ *Implementation situation/actual progress against the plan:*

2.1. Kết quả kinh doanh hợp nhất:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2016	THỰC HIỆN NĂM 2016	TỶ LỆ %	
					TH/KH 2016	TH 2016/ TH2015
1	Tổng doanh thu thuần	Tr.đg	428.709	453.768	106%	120%
2	Lợi nhuận trước thuế	"	30.000	40.225	134%	167%
3	Lợi nhuận sau thuế	"	23.600	31.853	135%	171%
4	Nộp Ngân sách	"	18.500	24.660	136%	144%
5	Thu nhập bình quân	“	10.226	9.716	95%	96%
6	Vốn điều lệ	“	153.600	108.172	70%	100%
7	Tỷ suất LNST/Vốn ĐL	%	18%	29%	163%	171%
8	Cổ tức	%	10%	Tạm ứng 10%	100%	100%

2.2. Những yếu tố thuận lợi và khó khăn:

a) Thuận lợi:

- Công ty nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, Tổng Công ty vận tải thủy Petrolimex và sự phối hợp của các đơn vị trong cùng hệ thống Petrolimex; Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy khối Doanh nghiệp Thương mại Trung ương tại TP. Hồ Chí Minh.

- Ban lãnh đạo Công ty thống nhất trong chỉ đạo, lãnh đạo các mặt hoạt động của Công ty; Hội đồng quản trị đã ban hành các nghị quyết, quyết định phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất; Tổng giám đốc đã chỉ đạo, điều hành Công ty một cách quyết liệt, khoa học, tận dụng các cơ hội, lợi thế của Công ty, đề ra các giải pháp kinh doanh hiệu quả.

- Công tác khai thác đội tàu thực hiện tương đối tốt với hệ số ngày tàu tốt, hệ số ngày tàu vận doanh đạt cao; Giá cước Tập đoàn và thị trường tương đối ổn định theo giá nhiên liệu; Thị trường kinh doanh xăng dầu được khởi động lại; dự án đầu tư tàu Long Phú 10, Long Phú 18 đã giảm vốn vay và lãi vay v.v...

b) Khó khăn:

- Do chính sách thuế xăng dầu nhập khẩu có sự thay đổi, dẫn đến nhu cầu vận tải ven biển nội địa 6 tháng cuối năm có sự sụt giảm, năng lực vận tải trong khu vực tiếp tục dư thừa, mức độ cạnh tranh trong vận tải ven biển ngày càng cao;
- Công ty chưa đầu tư được tàu mới theo kế hoạch đầu tư và thanh lý tàu Long Phú 06 cho nên sản lượng vận tải chưa đạt kỳ vọng kế hoạch;

3. Tổ chức và nhân sự/ *Organization and Human resource*

3.1. Danh sách Ban điều hành/ List of the Board of Directors:

+ Ông PHAN VĂN KỶ : Chủ tịch HĐQT chuyên trách Công ty

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: 12-09-1957
- Nơi sinh : Hà Tĩnh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Thạch Vĩnh, Huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú : 32-33L, Khu Miếu Nổi, P.3, Q. Bình Thạnh, Tp.HCM
- Số điện thoại liên lạc : 08.35121780
- Trình độ văn hóa : Đại học
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác :
 - + 3/1975 – 5/1981 : Quân nhân, công tác tại hạm đội 171 Hải quân.
 - + 6/1981 – 9/1999 : Sĩ quan hàng hải, Trưởng phòng kinh doanh Xí nghiệp đường sông Công ty VITACO.
 - + 10/1999 đến 4/2002 : Phó Giám đốc Công ty.
 - + 4/2002 đến nay : Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex.
- Chức vụ công tác hiện nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty.
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không có
- Số lượng sở hữu cổ phần: 31.557 cổ phiếu chiếm 0.29%

+ Bà ĐẶNG THỊ XUÂN HƯƠNG: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty.

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 03/03/1968
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thuận An, Bình Dương
- Địa chỉ thường trú : 81/9 Nguyễn Đình Chiểu, Q3, TP HCM
- Số điện thoại liên lạc : 38405249, 0903625165
- Trình độ văn hóa : Đại học

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán – Tài chính
- Quá trình công tác :
 - + 1990 -1995 : Công tác tại Phòng Kế toán Xí nghiệp sửa chữa thuộc Công ty VITACO
 - + 1995 – 1999 : Công tác tại Phòng kế toán Xí nghiệp vận tải xăng dầu đường sông thuộc Công ty VITACO
 - + 1999 - T12/2009: Kế toán trưởng Công ty CP Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex
 - + T12/2009 đến T6/2016: Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Cty, trong đó từ tháng 2/2015 thôi kiêm Kế toán trưởng Cty
 - + T6/2016 : Tổng Giám đốc Cty
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Số lượng sở hữu cổ phần : 12.886 cổ phiếu chiếm 0,12%

+ **Ông BUI HOÀNG HÀO:** Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Hành chính – Nhân sự Công ty

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: 06-06-1960
- Nơi sinh: Quảng Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 96 Bùi Văn Ba, P.Tân Thuận Đông, Q7, TP.HCM
- Quê quán: Quảng Nam
- Số ĐT liên lạc: 08.38991101 - 0932189202
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Lao động - Tiền lương.

Quá trình công tác:

- + Từ 01/1984 đến 04/1987 - Chuyên viên phòng Tổ chức – Hành chính Công ty vận tải nhiên liệu VITACO
- + Từ 5/1987 đến 09/ 1992 - Trưởng ban nhân chính, Xí nghiệp dịch vụ đóng tàu Bình Chánh, VITACO
- + Từ 10/1992 đến 09/1995 - Phó trưởng phòng Tổ chức - Hành Chánh xí nghiệp sửa chữa và vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex
- + Từ 10/1995 đến 03/2004 - Phó trưởng phòng Tổ chức - Hành Chánh công ty CP. vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex
- + Từ 04/2004 đến nay
 - Trưởng phòng Tổ chức – Hành chánh công ty CP. Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex PJTACO.
 - Phó Tổng Giám đốc kiêm trưởng phòng Hành chánh – Nhân sự Công ty
- Chức vụ công tác hiện nay Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Hành chánh – Nhân sự Công ty, Chủ tịch Công đoàn.

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Số lượng sở hữu cổ phần : 10.000 cổ phiếu chiếm 0,09%

+ **Ông ĐỖ VĂN LONG:** Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc Công ty, Chủ tịch Công ty TNHH MTV đóng tàu và thương mại Petrolimex (Công ty con).

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 25-06-1962
- Nơi sinh : Thụy Lôi, Tiên Lữ, Hưng Yên
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thụy Lôi, Tiên Lữ, Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: 8A/A17 Thái Văn Lung, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc cơ quan: 37266326 - 0903918047
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư đóng tàu thủy
- Quá trình công tác :
 - + 1987 – 1989 : Tổ phó tổ thợ hàn
 - + 1989 – 1992 : Kỹ sư - Chủ nhiệm công trình
 - + 1992 – 1999 : Quản đốc Xưởng Phú Xuân
 - + 1999 – 2002 : Quản đốc Xưởng Bình Chánh
 - + 2002 – 2007 : Giám đốc XN Đóng tàu – Thương mại Petrolimex
 - + 2008 – 2015 : Giám đốc Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Thương mại

Petrolimex.

+ Từ T1/2016: Thôi kiêm Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên đóng tàu và thương mại Petrolimex, Phó Tổng Giám đốc Công ty.

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty, Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu và thương mại Petrolimex.

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Số lượng sở hữu cổ phần : 35.886 cổ phiếu chiếm 0.33%

+ **Ông NGUYỄN DUY HẢI:** Phó Tổng Giám đốc Công ty.

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 15-01-1977
- Nơi sinh : Phường Cát Lái, Quận 2, TP.Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Phường Cát Lái, Quận 2, TP.Hồ Chí Minh
- Địa chỉ thường trú: số nhà 439 Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, Q.2, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc cơ quan: 08 38991101
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh

- Quá trình công tác :
 - + T8/2000 – T3/2002 : chuyên viên kinh doanh
 - + T3/2002 – T9/2004 : Đi nghĩa vụ quân sự
 - + T2/2005 – T9/2009 : chuyên viên Phòng Khai thác tàu biển
 - + T9/2009 – T3/2011 : phụ trách phòng Khai thác tàu biển
 - + T3/2011 – T3/2016 : Trưởng phòng Khai thác tàu
 - + T4/2016 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Số lượng sở hữu cổ phần : 12.886 cổ phiếu chiếm 0,12%

3.2. Những thay đổi trong ban điều hành/ Changes in the Board of Management: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/(List the changes in the Board of Management of the year):

- Tháng 1/2016:
 - + Bà Nguyễn Thị Hiền – Trưởng phòng Kế toán Tài vụ được bổ nhiệm Kế toán Trưởng Công ty.
 - + Ông Đỗ Văn Long – Ủy viên HĐQT được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty phụ trách kỹ thuật, vật tư, an toàn pháp chế kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Thương mại Petrolimex.
 - + Ông Nguyễn Nhật Quang – Phó Giám đốc Công ty Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Thương mại Petrolimex được bổ nhiệm Giám đốc Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Thương mại Petrolimex
- Tháng 4/2016: Ông Nguyễn Duy Hải – Trưởng phòng Khai thác tàu được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty.
- Tháng 6/2016: Bà Đặng Thị Xuân Hương – Phó Tổng Giám đốc được bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty.

3.3. Số lượng cán bộ, nhân viên/Number of staffs:

- Số lượng lao động của Công ty tính đến ngày 31/12/2016 là 410 người, thu nhập bình quân 9,7 triệu (giảm 14% so với kế hoạch).
- Chất lượng đội ngũ thuyền viên từng bước được nâng cao, đáp ứng yêu cầu của kho cảng quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế như NM Lọc dầu Dung Quất, Kho Ngoại quan Vân Phong.
- Chính sách đối với cán bộ, nhân viên: Thực hiện đầy đủ các quyền lợi cho người theo quy định của Nhà Nước và thu nhập của người lao động được trả theo năng suất lao động.

4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/ Investment activities, project implementation:

- Dự án đầu tư mua tàu tàu dưới 10.000 DWT theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 (chuyển tiếp kế hoạch 2015) đã gần như hoàn thành. Dự kiến tháng 3/2017 Công ty sẽ tiếp nhận tàu và khai thác chuyến hàng đầu tiên (do đó khoản đầu tư tàu này được tính vào KH 2017).

4.1. Các khoản đầu tư lớn/ Major investments: Không có.

4.2. Các công ty con, công ty liên kết/ Subsidiaries, associated companies:

Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Thương mại Petrolimex là Công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ:

- Năm 2016, Công ty đã nỗ lực vượt qua thời kỳ khó khăn, khủng hoảng của ngành cơ khí, đóng góp tích cực vào kết quả chung của toàn Công ty. Các chỉ tiêu kinh tế, tài chính của Công ty PSC năm 2016 đạt cao, vượt mức KH 16%; không phát sinh nợ xấu, vốn đầu tư của Công ty mẹ được bảo toàn và phát triển;
- Ban lãnh đạo Công ty PSC quyết liệt trong việc xử lý nợ xấu tồn đọng từ những năm trước, nay cơ bản đã thu hồi được.
- Công tác an toàn PCCN thực hiện tốt, bảo đảm an toàn lao động tuyệt đối.
- Người lao động được bảo đảm việc làm, thu nhập được tăng lên.

5. Tình hình tài chính/ Financial situation

5.1. Tình hình tài chính/ Financial situation

Chỉ tiêu/ Financial Figure	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản /Total asset	đồng	291.843.566.467	278.829.658.280	-4,5%
Doanh thu thuần/Net revenue	"	373.448.186.713	443.509.376.047	18,8%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Profit from operating activities	"	25.691.461.752	35.647.206.654	38,8%
Lợi nhuận khác/ Other profits	"	1.707.570.041	4.577.824.641	168,1%
Lợi nhuận trước thuế/ Profit before tax	"	27.399.031.793	40.225.031.295	46,8%
Lợi nhuận sau thuế/ Profit after tax	"	21.189.430.305	31.852.573.777	50,3%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ Payout ratio	"	10%	Dự kiến 10%	0%

5.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial benchmarks:

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)	1,42	1,81	
+ Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u>Short term Asset - Inventories</u> Short term Debt	1,18	1,56	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)	0,55	0,47	

+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)	1,18	1,56	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover</i> :			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)	19,1	22,2	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/ Total Assets</i>)	1,3	1,6	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)	5,7%	7,2%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)	19,6%	29,4%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)	7,3%	11,4%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)	6,9%	8,0%	

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.

6.1. Cổ phần/Shares:

a) Cổ phần:

- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 10.817.238 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 10.750.469 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần hạn chế lưu hành theo quy định của pháp luật: 66.769 cổ phiếu

b) Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure:

Theo danh sách cổ đông chốt ngày 17/02/2017 do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam – CN TP.HCM cung cấp.

STT	CỔ ĐÔNG	CƠ CẤU SỞ HỮU		Ghi chú
		SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ	
I	Cổ đông Nhà nước	5.540.858	51,22%	
	Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	5.540.858	51,22%	
II	Cổ đông khác	5.276.380	48,78%	

- Cơ cấu cổ đông theo tính chất nguồn vốn:

STT	CỔ ĐÔNG	CƠ CẤU SỞ HỮU	Ghi chú
-----	---------	---------------	---------

		SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ	
I	Trong nước	9.163.020	84,70%	
1	Tổ chức	5.772.666	53,37%	
2	Cá nhân	3.390.354	31,33%	
II	Nước ngoài	1.654.218	15,30%	
1	Tổ chức	1.503.367	13,90%	
2	Cá nhân	150.851	1,40%	

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Change in the owner's equity: Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ Transaction of treasury stocks: Không có.

e) Các chứng khoán khác/ Other securities: Không có.

7. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Report related impact of the Company on the environment and society

7.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

7.2. Tiêu thụ năng lượng/ Energy consumption:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly.*

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

7.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ Water consumption (water consumption of business activities in the year): Sử dụng tiết kiệm.

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

7.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ Compliance with the law on environmental protection: Tuân thủ tốt, không để xảy ra các sự cố trong lĩnh vực này. Các tàu hoạt động đều được trang bị hệ thống lọc phân ly dầu nước trước khi thải ra môi trường theo quy định.

7.5. Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ Number of employees, average wages of workers.

Việc phân phối tiền lương cho người lao động được thực hiện công khai và dân chủ theo

Quy chế Trả lương của Công ty. Quy chế này được xây dựng để đảm bảo phù hợp với trình độ, kinh nghiệm và vị trí công việc của từng người, khuyến khích được cán bộ, lao động làm việc tích cực, sáng tạo. Tổng quỹ lương hàng năm được xác định trên cơ sở Đơn giá tiền lương được Hội đồng Quản trị phê duyệt hàng năm. Tiền lương hàng tháng luôn được trả đầy đủ, đúng thời gian. Hàng năm, Công ty có xét nâng bậc lương, hoặc chuyển ngạch lương cho người lao động hội đủ điều kiện theo qui định của Nhà nước và của Công ty. Các chế độ chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động... được Công ty thực hiện theo đúng quy định, các trang thiết bị bảo hộ, an toàn cho người lao động đều được Công ty đáp ứng đầy đủ. Công ty cũng có chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể, việc xét thưởng căn cứ vào thành tích trong lao động, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, có thành tích chống tiêu cực, trong thực hành tiết kiệm và chống tham ô, lãng phí.

b) Hoạt động đào tạo người lao động/ Training employees

Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên để thường xuyên nâng cao trình độ, kỹ năng làm việc nhằm đáp ứng kịp thời các yêu cầu của hoạt động SXKD. Về lĩnh vực đào tạo, Công ty chú trọng đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, đào tạo về khoa học quản lý và đào tạo tiếng Anh, hoặc tin học. Khi có chính sách mới thì đào tạo để phổ biến về các chế độ, chính sách của Nhà nước. Công ty cũng chú ý đào tạo nội bộ, với việc mở lớp tại Công ty do các cán bộ Công ty có kinh nghiệm giảng dạy. Hàng năm, Công ty đều có kế hoạch đào tạo nhằm duy trì và nâng cao hiệu quả làm việc của người lao động.

7.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on responsibility for local community.

Thực hiện đủ trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng, địa phương nơi cư trú, tham gia các chương trình xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, vì trường Sa thân yêu và các chương trình thiện nguyện khác. Tổng số tiền chi cho công tác xã hội của Công ty năm 2016 là hơn 500 triệu đồng từ nguồn kinh phí của Công ty và đóng góp cá nhân người lao động.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Report and assessment of the Board of Management

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ Assessment of operating results

1.1. Công tác tổ chức, quản lý, điều hành:

- Tăng cường hiệu quả công tác quản lý, điều hành Công ty trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật; theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định, quy chế, định mức của Công ty;
- Cần trọng trong điều hành kinh doanh lĩnh vực mang tính rủi ro cao như mua bán xăng dầu;

1.2. Công tác cán bộ, lao động:

Thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, sỹ quan, thuyền viên và chuẩn bị nguồn nhân sự cho giai đoạn 2016-2020:

- Đổi mới phương thức tuyển dụng theo hệ thống tiêu chuẩn chức danh công việc; đổi mới cơ chế đánh giá năng lực, tinh giản gắn với định biên lao động theo vị trí việc làm tại từng đơn vị.

- Phối hợp với các trường chuyên ngành hàng hải để bồi dưỡng, huấn luyện về công tác an toàn, vetting nhằm; năm 2016 Công ty đã đào tạo được hơn 100 lượt cán bộ, sỹ quan, thuyền viên.

1.3. Công tác quản lý kỹ thuật, vật tư:

Cải tiến phương pháp quản lý kỹ thuật, vật tư: Đầu tư, trang bị đồng bộ hệ thống công nghệ thông tin cho đội tàu, thực hiện chào giá thầu cạnh tranh trong mua sắm vật tư, phụ tùng, đầu tư, sửa chữa nhằm tiết giảm chi phí, nâng cao tính chuyên nghiệp trong quản lý

1.4. Công tác quản lý an toàn, pháp chế hàng hải:

- Công ty đã thiết lập, duy trì thực hiện có hiệu quả Bộ sổ tay quản lý an toàn lao động mới tích hợp từ ISM Code và MLC2006.

- Công tác duy tu, bảo dưỡng, thay mới, cấp mới các trang thiết bị hàng hải, phòng cháy chữa cháy, an ninh, cứu sinh, cứu hỏa; hệ thống công nghệ làm hàng, hệ thống thông tin liên lạc... được thực hiện theo các qui trình quản lý khoa học và tiết kiệm.

- Chủ động thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng, buôn lậu. Năm 2016, Công ty không để xảy ra sự cố lớn nào làm mất an toàn về con người và phương tiện.

1.5. Công tác quản lý tài chính kế toán:

- Soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 không có sai sót trọng yếu; Vốn kinh doanh của Công ty được bảo toàn và phát triển, không phát sinh nợ xấu, khó đòi.

- Chú trọng công tác kiểm soát rủi ro, tuân thủ theo đúng các chuẩn mực, qui định hiện hành về kế toán tài chính; tham gia vào quá trình đánh giá, rà soát, điều chỉnh các định mức kinh tế kỹ thuật để nâng cao hiệu quả.

2. Tình hình tài chính/ *Financial Situation* – Nợ phải trả/ *Liabilities*

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
A. Tình hình tài chính			
I. Tổng tài sản	đồng	291.843.566.467	278.829.658.280
1. Tài sản ngắn hạn	"	104.413.674.131	120.205.668.431
2. Tài sản dài hạn	"	187.429.892.336	158.623.989.849
II. Tổng nguồn vốn	"	291.843.566.467	278.829.658.280
1. Nợ phải trả	"	160.085.643.691	131.191.710.575
2. Vốn chủ sở hữu	"	131.757.922.776	147.637.947.705
B. Kết quả hoạt động kinh doanh	"		
1. Tổng doanh thu	"	377.662.357.107	453.768.360.416
2. Tổng chi phí	"	350.263.325.314	413.543.329.121
3. Tổng lãi (+), lỗ (-)	"	27.399.031.793	40.225.031.295
4. Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	"	21.189.430.305	31.852.573.777
C. Các chỉ tiêu đánh giá khác			
1. Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán chung	Lần	1,8	2,1

- Khả năng thanh toán hiện hành	"	1,42	1,81
- Khả năng thanh toán nhanh	"	1,18	1,56
2. Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	7,34%	9,07%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	"	5,67%	7,18%
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	9,39%	14,43%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	"	7,26%	11,42%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu	"	19,59%	29,45%
3. Hệ số nợ (Nợ phải trả/Tổng tài sản)		0,55	0,47

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ *Improvements in organizational structure, policies, management.*

- Thay đổi cả về lượng và chất trên qui mô sản xuất kinh doanh của Công ty, chuyển đổi nhanh từ một doanh nghiệp vận tải đường sông thành một doanh nghiệp kinh doanh đa dạng, chuyên nghiệp gồm vận tải biển, vận tải đường sông, dịch vụ cơ khí đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy và xử lý chất thải cho ngành hàng hải.

- Chất lượng đội ngũ SQ-TV trên các tàu Công ty có sự tiến bộ; Hiệu quả khai thác, trình độ vận hành của thuyền viên từng bước được nâng lên..

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ *Development plans in the future*

- Tập trung hoàn tất dự án đầu tư tàu trọng tải dưới 10.000 DWT trong tháng 3/2017, chuẩn bị phương tiện để tham gia vận chuyển đối với các dự án lọc hóa dầu trong nước đã và sắp đi vào hoạt động.

- Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc, trẻ hóa đội tàu Công ty theo định hướng phát triển của Tập đoàn, Tổng Công ty và nhu cầu thị trường;

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) /Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any): Không

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ Assessment Report related to environmental and social responsibility of company:

Thực hiện tốt trách nhiệm của Công ty về môi trường và xã hội.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty/Assessments of the Board of Management on the Company's operation

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty/ Assessments of the Board of Management on the Company's operation

- Những kết quả đạt được trong năm 2016 là kết quả tiếp bước của cả quá trình tích lũy, đổi mới, đặt nền tảng vững chắc cho chặng đường tiếp theo. Đánh giá về mặt quản trị, Công ty đạt được các kết quả như sau:

- Công ty tiếp tục là một trong những đơn vị vận tải hoạt động có hiệu quả trong Tổng Công ty và Tập đoàn. Cơ cấu tổ chức bộ máy cơ bản phù hợp và đang được hoàn thiện.

Chất lượng nhân sự từ cấp lãnh đạo, điều hành đến chuyên viên, sỹ quan, thuyền viên từng bước được đổi mới.

- Thị trường vận tải truyền thống được giữ vững, thị trường bên ngoài hệ thống Petrolimex được mở rộng hơn. Ngành cơ khí đóng mới phương tiện thủy tăng trưởng trở lại từ 2015,2016. Lĩnh vực xử lý chất thải nhiễm dầu ngày càng gia tăng giá trị, góp phần vào kết quả chung toàn Công ty.

- Duy trì thực hiện có hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp: Bộ luật ISM của tổ chức hàng hải quốc tế IMO, Công ước MLC2006 của tổ chức lao động hàng hải quốc tế ILO, Vetting sire tàu Long Phú 10 đủ điều kiện khai thác tuyến quốc tế.

- Công ty giữ vững nguyên tắc công khai, minh bạch các hoạt động quản lý điều hành trên cơ sở áp dụng các chuẩn mực quản trị kinh doanh, kế toán tài chính theo thông lệ và các qui định của pháp luật phù hợp với thị trường; Triển khai đồng bộ việc áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình quản lý, kiểm tra, giám sát góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và quản trị rủi ro.

- Quan hệ cổ đông: Bảo vệ quyền và lợi ích của tất cả các cổ đông; Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật chứng khoán; Về cổ tức đã chi tạm ứng cổ tức năm 2016 cho cổ đông bằng tiền vào ngày 30/12/2016 với tỷ lệ 10%/vốn điều lệ (1000 đồng/cổ phiếu).

- Đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động trong toàn Công ty, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng, xã hội.

- Những tồn tại, hạn chế cần khắc phục:

- + Giải pháp quản lý, điều hành hợp lý nhưng tính hệ thống trong quản trị chưa đạt trình độ cao nên hiệu quả quản lý chưa đáp ứng kỳ vọng.

- + Trước yêu cầu hội nhập thị trường vận tải quốc tế ngày càng cao, sự cạnh tranh trong ngành vận tải ngày càng gay gắt, trong khi đó công tác đổi mới đội tàu theo hướng trẻ hóa, hiện đại hóa còn chậm, ảnh hưởng tới năng lực cạnh tranh.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/ *Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance*

- Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành.

- Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện tốt nhiệm vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, tích cực hoàn thiện hệ thống quản lý an toàn hàng hải, từng bước kiện toàn, đào tạo nguồn nhân lực, củng cố việc nắm bắt thị trường, linh hoạt trong việc đề ra các giải pháp điều hành kinh doanh, kiểm soát tốt chi phí, không phát sinh nợ xấu, nợ khó đòi, vốn kinh doanh của Công ty được bảo toàn và phát triển.

- Tuy nhiên công tác quản lý ở một số lĩnh vực vẫn còn hạn chế như: Nguồn nhân lực của công ty mặc dù được tăng cường, bổ sung thêm nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; Công tác triển khai dự án đầu tư tàu mới và việc thanh lý giải bản tàu già còn chậm.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ *Plans, orientations of the Board of Directors:*

3.1. Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh, tài chính năm 2017:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2016	KẾ HOẠCH NĂM 2017	TỶ LỆ % KH2017/TH2016
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	453.768	486.033	107%
2	Lợi nhuận trước thuế	"	40.225	35.200	88%
3	Lợi nhuận sau thuế	"	31.853	27.960	88%
4	Nộp Ngân sách	"	24.660	25.100	102%
5	Thu nhập bình quân	"	9,716	10,339	106%
6	Vốn Điều lệ	"	108.172	153.600	142%
7	Tỷ Suất LNST/Vốn ĐL	%	29%	21%	73%
8	Cổ tức	%	Dự kiến 10%	Tối thiểu 10%	100%

3.2. Các định hướng, giải pháp của HĐQT năm 2017:

I. Về chỉ tiêu sản lượng, doanh thu:

Nhằm thực hiện định hướng phát triển lĩnh vực vận tải theo hướng hiện đại hóa, chất lượng ngày càng cao, chi phí hợp lý, an toàn, tăng sức cạnh tranh cho đội tàu; Trên nền tảng thị trường Petrolimex, chủ động mở rộng thị trường ra ngoài hệ thống Petrolimex, thị trường trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đánh giá nguồn lực của Công ty về tài chính, đội tàu, cơ sở hạ tầng của ngành cơ khí để xây dựng kế hoạch chi tiết theo từng lĩnh vực: vận tải thủy, cơ khí sửa chữa.

1. Vận tải thủy:

Sản lượng, doanh thu kế hoạch năm 2017 tăng trưởng khoảng 7% so với thực hiện năm 2016, nguyên nhân:

- Xây dựng phương án khai thác, điều động đội tàu an toàn, hiệu quả.
- Tàu đầu tư mới trọng tải 8906 DWT sẽ đi vào hoạt động cuối tháng 3/2017.
- Trên cơ sở giữ ổn định thị trường truyền thống, thị trường trong Tập đoàn, Công ty sẽ tăng cường khai thác nguồn hàng ngoài Tập đoàn, đẩy mạnh hợp tác, mở rộng thị trường mới trong nước và Campuchia.

2. Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu

- Trên nền tảng vững chắc của năm 2016, phấn đấu sản lượng bán năm 2017 tối thiểu bằng so với năm 2016.

3. Lĩnh vực dịch vụ cơ khí:

- Đánh giá thị trường cơ khí, đóng mới, súc rửa tàu dầu và xử lý chất thải vẫn trên đà hồi phục, tuy nhiên Công ty xây dựng kế hoạch doanh thu, lợi nhuận chỉ tương đương năm 2016 là do: Theo Quy hoạch tổng thể của Thành phố Hồ Chí Minh, khả năng khu vực nhà xưởng của Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Thương mại Petrolimex (PSC) tại Thủ Đức – HCM phải di dời. Vì vậy, Công ty không xây dựng kế hoạch tăng trưởng với lĩnh vực này.

II. Về chỉ tiêu kế hoạch tài chính:

1. Kế hoạch chi phí kinh doanh

- Dự báo giá nhiên liệu sẽ tăng so với 2016.
- Công ty quán triệt thực hiện tiết giảm chi phí như: phí quản lý, giảm định mức tiêu hao nhiên liệu hợp lý, đàm phán với các công ty cung cấp hàng hoá dịch vụ đầu vào giảm giá. Cân đối lại đơn giá tiền lương /doanh thu vừa đảm bảo kinh doanh có lãi và thu nhập bình quân người lao động thực hiện theo kế hoạch.
- Dự án đầu tư tàu khi đưa vào khai thác, chưa thể có lãi ngay giai đoạn đầu.

2. Về kế hoạch tăng vốn:

- Vốn điều lệ: Năm 2017 vốn điều lệ sẽ tăng từ 108 tỷ đồng lên 153,4 tỷ đồng.
- Vốn điều lệ bổ sung cùng với nguồn vốn hiện có của Công ty sẽ tập trung cho việc đầu tư tàu biển và làm vốn lưu động.

3. Về kế hoạch đầu tư:

- Công ty sẽ thực hiện kế hoạch giải bản một số tàu già, trọng tải nhỏ, kém hiệu quả vào thời điểm phù hợp để tập trung nguồn lực cho đầu tư đổi mới đội tàu.
- Chuyên tiếp dự án đầu tư tàu mới (đang thực hiện 2015 đến tháng 3/2017 hoàn thành) với hạn mức đầu tư 9,2 triệu USD (trong đó Vốn chủ sở hữu 30%: Vốn vay ngân hàng 70%).

V. Quản trị công ty/*Corporate governance*:

1. Hội đồng quản trị/*Board of Directors*

1.1. Thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT): Hội đồng quản trị hiện tại gồm 05 thành viên

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
01	Ông Phan Văn Kỳ	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc, Trưởng nhóm đại diện vốn của Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex.
02	Ông Phạm Việt Khoa	Ủy viên HĐQT, Đại diện vốn của Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex.
03	Bà Đặng Thị Xuân Hương	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty, Đại diện vốn của Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex.
04	Ông Đỗ Văn Long	Ủy viên HĐQT kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Đóng tàu và thương mại Petrolimex.
05	Ông Phan Văn Cầu	Ủy viên HĐQT.

1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2016:

- Năm 2016, Hội đồng quản trị đã tập trung lãnh đạo nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Hội đồng quản trị hoạt động theo qui định tại Điều lệ, có sự phân công nhiệm vụ cho các thành viên theo lĩnh vực chuyên môn. Bên cạnh việc thực hiện chức năng quản lý, giám sát công tác điều hành của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý, HĐQT đã chỉ đạo, phối hợp với Ban điều hành tìm những giải pháp tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ trưởng nhóm đại diện vốn của Tổng Công ty (PGT) đồng thời đại diện cho quyền và lợi ích của tất cả các cổ đông. Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty nên việc chỉ đạo triển khai các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và của Đại hội đồng cổ đông, cũng như việc quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đồng bộ, chất lượng và hiệu quả.

1.3. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2015, HĐQT có 07 phiên họp thường kỳ và có 06 lần lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT bằng văn bản đề ra Nghị quyết/quyết định những nội dung quan trọng sau đây:

- Công tác kế hoạch: Phê duyệt và giám sát thực hiện kế hoạch SXKD năm 2016; Thẩm định và phê duyệt kế hoạch năm 2017 trình ĐHĐCĐ quyết định; Tiếp tục theo dõi, đánh giá, điều chỉnh và kiểm soát việc thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Công tác tổ chức, nhân sự:
- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 tiến hành bầu 05 thành viên HĐQT và 03 thành viên BKS nhiệm kỳ mới (2016-2020).
- Công tác đầu tư và tăng vốn điều lệ: Chỉ đạo thực hiện dự án đầu tư tàu biển chở dầu dưới 10.000DWT; phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông để tăng vốn điều lệ.
- Phối hợp với Ban kiểm soát để quyết định chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

1.4. Số thành viên HĐQT không điều hành: 01 người là Ông Phạm Việt Khoa

- Ông Phạm Việt Khoa hiện là Ủy viên Hội đồng thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex, là thành viên của nhóm đại diện quản lý phần vốn đầu tư của Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex tại Công ty.

1.5. Các tiểu ban trong HĐQT:

- Ban Tổng hợp Nhân sự: chức năng tổng hợp, nhân sự, tài chính và thư ký cho hoạt động quản lý, giám sát của Chủ tịch HĐQT và HĐQT Công ty;
- Ban Kế hoạch và Đầu tư: tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong công tác kế hoạch, kỹ thuật, an toàn và đầu tư.
- Ngoài ra, Hội đồng quản trị cũng sử dụng bộ máy quản lý của Công ty mẹ và Thư ký Công ty để thực hiện các nhiệm vụ của mình.

2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/Members and structure of the Board of Supervisors: Có 03 thành viên trong đó 2 người không tham gia điều hành, là các ông:

- Ông Hoàng Anh Tuấn : Trưởng ban tỷ lệ nắm giữ cổ phần 0%
- Ông Phạm Ngọc Sinh : Kiểm soát viên tỷ lệ nắm giữ cổ phần 2,18%
- 01 người tham gia bộ máy quản lý của Công ty là Ông Trần Văn Trọng: Kiểm soát viên, Phó Trưởng phòng hành chính – Nhân sự Công ty, tỷ lệ nắm giữ cổ phần 0%

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát/Activities of the Board of Supervisors.

- Ban Kiểm soát đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo điều lệ công ty và luật doanh nghiệp, thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty;
- Trưởng Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty và có ý kiến đề xuất kịp thời cho Hội đồng quản trị.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors

3.1 Thù lao và các khoản lợi ích/remuneration and benefits:

Công ty áp dụng chế độ thù lao, tiền thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ 2016.

STT	Diễn giải	Số người	Hệ số thù lao cho từng chức danh hàng tháng	Số tiền đã chi thù lao năm 2016 (đồng)
1	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	05		281.601.600
	CHỦ TỊCH HĐQT (Chi thù lao từ Tháng 1	01	20% lương TGD	57.600.000/6th

	đến tháng 6/2017)			
	THÀNH VIÊN HĐQT	04	20% lương BQ Phó TGD	224.201.600
2	BAN KIỂM SOÁT	03		134.400.960
	TRƯỞNG BAN	01	20% lương BQ Phó TGD	56.000.400
	THÀNH VIÊN BKS	02	70% thù lao Trưởng ban BKS	78.400.560
	Tổng cộng	08		416.002.560

3.2. *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ Transactions of internal shareholders*: Không

Stt No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal person</i>	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ <i>Number of shares owned at the beginning of the period</i>		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>		Lý do tăng, giảm <i>Reasons for, sale increase, decrease</i>
			Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	

3.3. *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ Contracts or transactions with internal shareholders*: Không có

3.4. *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ Implementation of regulations on corporate governance*: Thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*: Đã được đăng trong Website Công ty: <https://www.pjtaco.petrolimex.com.vn/> Báo cáo tài chính.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Đường thủy Petrolimex

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Đường thủy Petrolimex và công ty con được lập ngày 07 tháng 03 năm 2017, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Đường thủy Petrolimex và công ty con tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2017

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt



Nguyễn Minh Tiên

Chứng nhận đăng ký hành nghề số:
0547-2013-152-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Cúc

Chứng nhận đăng ký hành nghề số:
0700-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		120.205.668.431	104.413.674.131
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	69.361.686.156	53.830.232.778
1. Tiền	111		21.361.686.156	3.830.232.778
2. Các khoản tương đương tiền	112		48.000.000.000	50.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31.355.070.714	30.105.388.389
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03a	28.203.692.128	27.868.259.742
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.062.181.638	206.555.796
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	521.679.766	2.463.055.669
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.05	(432.482.818)	(432.482.818)
IV. Hàng tồn kho	140		16.514.286.556	18.230.684.548
1. Hàng tồn kho	141	V.06	16.514.286.556	18.230.684.548
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.974.625.005	2.247.368.416
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08a	1.109.031.641	1.014.127.259
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.830.216.487	1.203.711.799
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	35.376.877	29.529.358
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		158.623.989.849	187.429.892.336
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		23.400.000	24.900.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.04c	23.400.000	24.900.000
II. Tài sản cố định	220		157.347.544.789	184.842.028.797
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	157.347.544.789	184.842.028.797
- Nguyên giá	222		297.520.652.788	307.983.177.463
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(140.173.107.999)	(123.141.148.666)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		200.949.346	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		200.949.346	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	327.802.000	327.802.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		327.802.000	327.802.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		724.293.714	2.235.161.539
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08b	724.293.714	2.235.161.539
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		278.829.658.280	291.843.566.467

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		131.191.710.575	160.085.643.691
I. Nợ ngắn hạn	310		66.312.460.575	73.330.593.691
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	20.404.770.969	23.978.616.027
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.184.624.620	4.512.520.575
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	2.588.431.286	1.918.450.838
4. Phải trả người lao động	314		7.668.603.640	9.122.716.867
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12a	8.819.847.053	10.785.915.480
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.9a	22.492.000.000	22.315.200.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.154.183.007	697.173.904
II. Nợ dài hạn	330		64.879.250.000	86.755.050.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.12c	144.000.000	144.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.9b	64.735.250.000	86.611.050.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		147.637.947.705	131.757.922.776
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	147.637.947.705	131.757.922.776
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		108.172.380.000	108.172.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		108.172.380.000	108.172.380.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		518.666.555	518.666.555
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.175.445.197	10.372.124.789
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		23.771.455.953	12.694.751.432
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.736.120.176	159.111.527
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		21.035.335.777	12.535.639.905
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		278.829.658.280	291.843.566.467

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đặng Minh Hải

Nguyễn Thị Hiền

Đặng Thị Xuân Hương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	443.509.376.047	373.448.186.713
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		443.509.376.047	373.448.186.713
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	385.487.063.718	323.948.427.741
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		58.022.312.329	49.499.758.972
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	3.190.883.638	1.824.507.311
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	6.623.849.547	11.070.173.828
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		5.519.170.863	7.382.056.628
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.07b	1.090.943.777	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07a	17.851.195.989	14.562.630.703
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		35.647.206.654	25.691.461.752
12. Thu nhập khác	31	VI.05	7.068.100.731	2.389.663.083
13. Chi phí khác	32	VI.06	2.490.276.090	682.093.042
14. Lợi nhuận khác	40		4.577.824.641	1.707.570.041
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		40.225.031.295	27.399.031.793
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	8.372.457.518	6.209.601.488
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		31.852.573.777	21.189.430.305
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		31.852.573.777	21.189.430.305
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.632	1.682
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	2.632	1.682

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu



Đặng Minh Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hiền

Tổng Giám đốc



Đặng Thị Xuân Hương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước (*)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	40.225.031.295	27.399.031.793
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	27.812.840.038	29.594.435.849
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	510.800.000	3.685.840.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.680.923.685)	(3.010.081.982)
- Chi phí lãi vay	06	5.519.170.863	7.382.056.628
3. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	66.386.918.511	65.051.282.288
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.926.742.866)	3.054.098.499
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.716.397.992	(2.521.575.085)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(4.915.133.173)	12.605.499.963
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.415.963.443	(3.173.735.518)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.611.310.282)	(7.530.503.179)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.253.982.490)	(6.208.254.982)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.534.854.145)	(2.265.600.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	46.277.256.990	59.011.211.986
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(519.305.376)	(784.878.848)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	5.071.636.363	1.190.909.091
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.655.495.656	1.707.367.336
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	7.207.826.643	2.113.397.579
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.412.206.780	1.412.206.780
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(23.622.006.780)	(23.254.296.780)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(15.743.830.255)	(7.662.293.900)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(37.953.630.255)	(29.504.383.900)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50	15.531.453.378	31.620.225.665
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	53.830.232.778	22.210.007.113
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	69.361.686.156	53.830.232.778

(*): Số liệu năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của các nghiệp vụ điều chỉnh hồi tố như trình bày tại mục VII.4 của thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Đặng Minh Hải

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hiền



Tổng Giám đốc

Đặng Thị Xuân Hương

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE